

Bản án số: 612/2019/HS-PT
Ngày 16 tháng 10 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;
Ông Đặng Quốc Khởi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 591/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Quang V và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 299/2018/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Quang V;** sinh năm 1982, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: đường B, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ và bà Phan Thị Bạch M; có vợ và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 25/01/2014 đến ngày 21/12/2016 được tại ngoại; (có mặt).

2. **Trần Thái Ng;** sinh năm 1982, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: đường M, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M (chết) và bà Thái Thị M; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 25/01/2014 đến ngày 21/12/2016 được tại ngoại; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang V và Trần Thái Ng: Luật sư Nguyễn Tấn Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. **Nguyễn Giang L**; sinh năm 1975, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: đường 52 khu phố 8, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: chung cư H1, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Nguyễn Hữu H và bà Võ Thị Ch; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 11/3/2014; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Giang L:

+ Luật sư Nguyễn Tiến Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Luật sư Nguyễn Văn Q – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

- Các bị cáo không kháng cáo, đã rút kháng cáo:

1. **Trần Phước Th**, sinh năm 1967, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường H3, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ph (chết) và bà Nhan Thị S; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 25/01/2014; (có mặt).

2. **Bùi Khắc H**, sinh năm 1975, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: chung cư H4, C, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Bùi Khắc Ch và bà Lê Thị L; có vợ đã ly hôn và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 24/10/2017; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng có liên quan đến kháng cáo:

1/. Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1946. (có mặt)

Địa chỉ: chung cư C1, đường V, B, phường C2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ông Hồ Sỹ Tuy Đ, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ng, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ông Đoàn Phước A1, sinh năm 1942. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ng1, phường Ng2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Ông Dương Văn Th, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô D Chung cư Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5/. Ông Mai Đình T, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: đường C4, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/. Ông Lư Trần X, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: đường T4, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1946. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/. Ông Nguyễn Trần Ch, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/. Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ1, Phường 14, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/. Ông Trần T1, sinh năm 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường M1, B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/. Ông Vũ Ngọc Ch1, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/. Ông Dương Văn Ph, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: đường 85, phường T5, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

13/. Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L1, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

14/. Ông Hồ Minh T2, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: tỉnh lộ 10, Khu phố 16, phường B6, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

15/. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1952. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường C4, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

16/. Ông Phạm Đức T3, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: đường Tr1, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

17/. Ông Phan Ngọc Ch2, sinh năm 1950. (có mặt)

Địa chỉ: đường T6, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

18/. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1942. (có mặt)

Địa chỉ: đường V, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

19/. Bà Phạm Thị Bích V, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: đường B7, Phường 9, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

20/. Ông Huỳnh Thanh U, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường B8, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

21/. Ông Đặng Ngọc Th2 (vắng mặt)

- Địa chỉ: đường Tr2, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 22/. Bà Hồ Thị Thu Tr, sinh năm 1973. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường Ng3, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
 23/. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1940. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường T8, phường Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
 24/. Ông Lê Duy C, sinh năm 1931. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường X, Phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
 25/. Ông Trần H1, sinh năm 1955. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường Ng3, Ấp 6, xã T9, huyện C4, Thành phố Hồ Chí Minh.
 26/. Ông Phạm Anh T4, sinh năm 1967. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường số 8, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
 27/. Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1953. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường B7, Phường 14, quận T10, Thành phố Hồ Chí Minh.
 28/. Ông Nguyễn Tường L2, sinh năm 1956. (vắng mặt)
 Địa chỉ: cao ốc Đ, đường C7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
 29/. Bà Phùng Thị Bích D1, sinh năm 1957. (có mặt)
 Địa chỉ: đường D, phường L4, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 30/. Ông Võ Chí D2, sinh năm 1956. (có mặt)
 Địa chỉ: đường 20 khu phố 3, phường Th1, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
 31/. Ông Trương Ch3, sinh năm 1963. (có mặt)
 Địa chỉ: đường Đ1, Phường 14, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.
 32/. Ông Lê Thành T5, sinh năm 1968. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường T11, phường T12, quận T13, Thành phố Hồ Chí Minh.
 33/. Ông Hứa Kim H3, sinh năm 1968. (có mặt)
 Địa chỉ: đường H3, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
 34/. Bà Trà Hoa Ph, sinh năm 1977. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường B8, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
 35/. Ông Đỗ Đức T6, sinh năm 1961. (vắng mặt)
 Địa chỉ: đường T14, Phường 13, quận T10, Thành phố Hồ Chí Minh.
 36/. Bà Trương Thị H4, sinh năm 1951. (có mặt)
 Địa chỉ: đường X, Phường 17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
 37/. Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/6/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 118/2009/TT-BTC hướng dẫn việc nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam. Tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư quy định “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương được phép nhập một xe ô tô cá nhân đang sử dụng”. Ngày 06/12/2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 194/2010/TT-BTC quy định “Hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu”, tại tiết c, khoản 2 Điều 101 quy định: Hàng hóa là tài sản di chuyển của gia đình, cá nhân người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài được phép về Việt Nam định cư hoặc mang ra nước ngoài khi được phép định cư ở nước ngoài; hàng hóa là tài sản di chuyển của người nước ngoài mang vào Việt Nam khi được phép định cư tại Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài khi được phép định cư ở nước ngoài.

- Riêng xe ô tô, xe mô tô đang sử dụng của gia đình, cá nhân mang vào Việt Nam khi được phép định cư tại Việt Nam chỉ được miễn thuế nhập khẩu mỗi thứ một chiếc cho mỗi hộ gia đình.

- Việc xác định hàng hoá là tài sản di chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Thông tư số 118/2009/TT-BTC ngày 09/6/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam”.

Do vậy, Nguyễn Quang V, Trần Phước Th và Trần Thái Ng đã lợi dụng quy định tại Thông tư số 118/2009/TT-BTC ngày 09/6/2009 để “Buôn lậu” xe ô tô, mô tô và móc nối với các đối tượng Nguyễn Giang L (nguyên cán bộ Phòng PA72-Công an Thành phố Hồ Chí Minh), để thỏa thuận mua tiêu chuẩn nhập khẩu xe ô tô, mô tô theo diện Việt kiều hồi hương và nhờ các cán bộ Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đóng dấu xuất, nhập cảnh không vào hộ chiếu của các Việt kiều để hợp thức hóa hồ sơ nhập khẩu xe ô tô, mô tô. Sau đó lấy thông tin cá nhân trên hộ chiếu do Mỹ hoặc Lãnh sự quán Việt Nam tại Mỹ cấp của các Việt kiều cung cấp cho H Phạm, C Ngô, Đoàn H, J...là các Việt kiều định cư tại nước Mỹ đã trực tiếp mua xe, thanh toán tiền mua xe tại nước Mỹ, trực tiếp thuê và thanh toán tiền cho các hãng tàu vận chuyển các xe ô tô từ Mỹ về Việt Nam tiêu thụ.

Kết quả điều tra xác định như sau:

Từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2012 Nguyễn Quang V cùng đồng phạm đã trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô, mô tô cho 64 Việt kiều hồi hương;

trong đó có 54 trường hợp là được thuê mượn đứng tên nhập khẩu không đúng quy định, như sau:

Nguyễn Giang L trực tiếp thỏa thuận thuê và giới thiệu cho Nguyễn Quang V 36 Việt kiều, gồm: Nguyễn Hồng A, Hồ Sỹ Tuy Đ, Đoàn Phước A1, Dương Văn Th, Mai Đình T, Lư Trấn X, Lư Tô H16, Hồ Văn H, Nguyễn Trân Ch, Bùi Tiến D, Trần T1, Vũ Ngọc Ch1, Dương Văn Ph, Lâm Văn Q, Hồ Minh T2, Nguyễn Thị Kim L1, Phạm Đức T3, Phan Ngọc Ch2, Nguyễn Văn Đ1, Phạm Thị Bích V, Huỳnh Thanh U, Đặng Ngọc Th2, Hồ Thị Thu Tr, Nguyễn Thanh T4, Lê Duy C, Trần H1, Phạm Anh T4, Phạm Văn H2, Ninh Phúc L3, Phùng Thị Bích D1, Võ Chí D2, Trương Ch3, Lê Thành T5, Hứa Kim H3, Trà Hoa Ph, Đỗ Đức T6. Mỗi Việt kiều, Nguyễn Quang V đã trả cho L 10.000 USD/Việt kiều, tổng cộng V trả Nguyễn Giang L 360.000 USD.

Trần Phước Th trực tiếp thỏa thuận thuê 17 Việt kiều, gồm: Phạm Ngọc Th3, Trần Đức H5, Nguyễn Hồng H6, Lê Thị Tường V1, Trương Thị H4, Diệp Cẩm D3, Hoàng Văn C1, Nguyễn Văn Ph1, Cao Duy H7, Nguyễn Tường L2, Đỗ Thị H8, Vũ Việt Th4, Phạm Trọng Tr1, Văng Thị H9, Nguyễn Tấn Anh V2, Đặng Anh T7, Võ Văn H10. Mỗi Việt kiều, các chủ salon ô tô và V đã trả cho Th 10.000 USD/Việt kiều, tổng cộng các chủ salon ô tô và Nguyễn Quang V trả Th 170.000 USD.

Nguyễn Quang V trực tiếp thuê Việt kiều Lư H11 và trả cho Lư H11 13.000 USD.

Như vậy, tổng cộng 54 Việt kiều trên, V và Th khai đã nhận số tiền là 108.000 USD (tương đương với 2.160.000.000 đồng) từ các đối tượng tham gia mua bán xe nhập lậu vào Việt Nam, số tiền này bao gồm tiền công làm dịch vụ, sau khi trừ chi phí lưu container, lưu bãi, kéo container, lệ phí thương vụ Cảng, nhận lệnh giao hàng, gia hạn lệnh giao hàng, thuê xe vận chuyển, lệ phí đăng kiểm, chi phí vệ sinh container, chi phí mua sill, cắt sill....khoảng 24.000.000 đồng/xe, còn lại khoảng 15.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng/xe. V, Th và Ng chia nhau khoảng 5.000.000 đồng/người/xe, tổng số tiền công làm dịch vụ cho 54 chiếc xe là 810.000.000 đồng, số tiền này V chia đều cho V, Th và Ng mỗi người khoảng 270.000.000 đồng.

Ngoài số tiền trên, 17 Việt kiều do Th trực tiếp thuê và 01 Việt kiều do V thuê. Sau khi trả tiền thuê Việt kiều, số tiền dư, Th, V và Ng chia nhau, trong đó Th và V được chia mỗi người số tiền 14.300 USD (tương đương 286.000.000 đồng)/người, Ng được chia số tiền 10.400 USD (tương đương 208.000.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền Trần Phước Th và Nguyễn Quang V hưởng lợi từ việc thuê Việt Kiều còn dư và tiền công làm dịch vụ cho 54 Việt kiều là 556.000.000 đồng/người, riêng Trần Thái Ng nhận được số tiền 478.000.000 đồng.

Việc tổ chức đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh không vào hộ chiếu của các Việt kiều nhằm hợp thức hóa cho hồ sơ nhập lậu xe ô tô, xe mô tô được thực hiện như sau: Theo quy định tại điểm 2, khoản 1 Điều 4, Thông tư số

118/2009/TT-BTC ngày 09/06/2009 quy định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng phải có “Hộ chiếu hồi hương có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu”.

Vì vậy, các Việt kiều do Nguyễn Giang L trực tiếp thỏa thuận thuê mướn, V yêu cầu L “bắt buộc phải có dấu xuất nhập cảnh thể hiện việc nhập cảnh và xuất cảnh trên hộ chiếu của các Việt kiều mới xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô tại Hải quan được và việc đóng dấu không vào hộ chiếu của các Việt kiều nhằm hợp thức hóa việc đi Mỹ mua xe và thanh toán tiền mua xe ô tô, đăng ký lưu hành xe tại Mỹ, thuê và thanh toán tiền thuê hãng tàu vận chuyển về Việt Nam”. Chính vì vậy, L đã nhờ Bùi Khắc H và một số cán bộ khác thực hiện đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh không vào hộ chiếu các Việt kiều: Hồ Văn H, Lư Trần X, Dương Văn Th, Lâm Văn Q, Nguyễn Hồng A, Hồ Sỹ Tuy Đ, Phùng Thị Bích D1, Lê Thành T5, Võ Chí D2, Hứa Kim H3, Phạm Văn H2, Phạm Anh T4, Lê Duy C, Nguyễn Văn Đ1, Phan Ngọc Ch2, Ninh Phúc D4, Hồ Thị Thu Tr, Nguyễn Trần Ch, Bùi Tiến D...(có bảng kê phụ lục kèm theo) và mua vé máy bay, tour du lịch đi Singapore cho Nguyễn Thị Kim L1; mua vé máy bay, tour du lịch đi Thái Lan cho Phạm Thị Bích V để được đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh trên bản chính hộ chiếu của các Việt kiều nhằm hợp thức hóa hồ sơ nhập khẩu xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương.

Đối với các Việt kiều do Th trực tiếp thuê thì Th trực tiếp giữ bản chính hộ chiếu các Việt kiều để giao cho Nguyễn Thế H12, công tác tại Phòng quản lý Xuất Nhập cảnh-Công an Thành phố Hồ Chí Minh để đóng dấu xuất nhập cảnh không vào hộ chiếu cho 06 Việt kiều. Tuy nhiên, đến nay, Hải chỉ thừa nhận Th đã đóng dấu không vào các hộ chiếu gồm Phạm Ngọc Th3, Nguyễn Hồng H6 và Trần Đức H5...và mua vé máy bay, tour du lịch đi Thái Lan cho Việt kiều Hoàng Văn C1 để được đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh trên bản chính hộ chiếu của các Việt kiều nhằm hợp thức hóa hồ sơ nhập khẩu xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương.

Ngoài ra còn các Việt kiều khác mặc dù V, Th đều khai nhận đã thực hiện đóng dấu kiểm chứng xuất nhập cảnh không vào hộ chiếu của các Việt kiều nhưng đến nay do một số hãng máy bay có trụ sở tại nước ngoài và các Việt kiều đã xuất cảnh nên Cơ quan điều tra chưa xác minh và ghi lời khai đối với các Việt kiều này được.

Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh giám định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Giang L, Trần Phước Th, Bùi Khắc H trên hộ chiếu của các Việt kiều, giấy thỏa thuận việc chuyển nhượng tiêu chuẩn mua xe ô tô và xe mô tô theo diện chính sách hồi hương, giấy nộp tiền cho Công ty Vietravel và một số tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ. Kết quả giám định số 1275/KLGD- TT ngày 07/11/2017 và kết quả giám định số 296/KLGD- TT ngày 02/02/2015, như sau:

1. Đối với Nguyễn Giang L:

- Chữ viết số “12/05/12” tại mục “được phép lưu trú đến”, thể hiện tại trang số 16 của quyền hộ chiếu số 443921033 do Mỹ cấp cho ông Dương Văn Th là do Nguyễn Giang L ghi ra.

- Chữ viết trên giấy thỏa thuận việc chuyển nhượng tiêu chuẩn mua xe ô tô và xe mô tô theo diện chính sách hồi hương gồm thông tin cá nhân của Việt kiều Trương Ch3 vào bên A giấy thỏa thuận là bên chuyển nhượng, bên B tên Nguyễn Quang V và nội dung số tiền chuyển nhượng là 2.000 USD do ông Trương Ch3 cung cấp ngày 19/01/2014 là do Nguyễn Giang L ghi ra.

- Chữ viết “Số ASXH 586528323” trên 02 (hai) ảnh hộ chiếu, bằng lái xe do Mỹ cấp cho Việt kiều Nguyễn Văn Đ1 do Nguyễn Quang V cung cấp cho Cơ quan điều tra theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 09/06/2017 là do Nguyễn Giang L ghi ra.

- Chữ viết, chữ ký thể hiện trên tài liệu cần giám định là biên nhận tiền mua vé máy bay, tour du lịch đi Thái Lan cho Việt kiều Nguyễn Thị Kim L1 đi cùng Lê Thị Thu H13 (vợ L), Nguyễn Thị C, Lý Thị H14 (mẹ và người thân L), số OB01149/1110, ngày 25/11/2010 và biên nhận số OB00062/1210, ngày 02/12/2010 do Công ty Vietravel cung cấp là do Nguyễn Giang L ghi ra.

2. Đối với Trần Phước Th:

- Chữ ký thể hiện trên tài liệu cần giám định là giấy thỏa thuận ngày 10/9/2012 do bà Đỗ Thị H8 cung cấp cho Cơ quan điều tra theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03/7/2017 là do Trần Phước Th ghi ra.

- Chữ viết trên 02 (hai) bản chính Bản tuyên thệ (Affidavit) ngày 13/03/2012, do Việt kiều Cao Duy H7 tuyên thệ được Cục Hải quan TPHCM cung cấp là do Trần Phước Th ghi ra.

- Chữ viết trên 01 (một) bản chính Bản tuyên thệ (Affidavit) ngày 10/05/2012, do Việt kiều H Phạm và Hoàng Văn C1 tuyên thệ được Cục Hải quan TPHCM cung cấp là do Trần Phước Th ghi ra.

- Chữ viết, chữ ký thể hiện trên tài liệu cần giám định là biên nhận số OB00005/0412, ngày 02/12/2010 do Công ty Vietravel cung cấp là do Trần Phước Th ghi ra.

3. Đối với Bùi Khắc H:

- Chữ viết số “13/07/2012” tại mục “được phép lưu trú đến”, thể hiện tại trang số 18 của quyền hộ chiếu số 444867475 do Mỹ cấp cho ông Lư Trần X (Lu Theodore Xuong-Vander) vào ngày 28/07/2008 là do Bùi Khắc H ghi ra.

- Chữ viết số “26/12/2011” tại mục “được phép lưu trú đến”, thể hiện tại trang số 19 của quyền hộ chiếu số 213394414 do Mỹ cấp cho ông Nguyễn Đ (Nguyen Devan) vào ngày 09/05/2005 là do Bùi Khắc H ghi ra.

- Chữ viết số “21/12/2011” tại mục “được phép lưu trú đến”, thể hiện tại trang X của quyền hộ chiếu số 712060315 do Mỹ cấp cho ông Hứa Kim H3 vào ngày 10/07/2006 là do Bùi Khắc H ghi ra.

- Chữ viết số “09/10/2011” tại mục “được phép lưu trú đến”, thể hiện tại trang số 10 của quyền hộ chiếu số 477079010 do Mỹ cấp cho ông Phan Ngọc Ch2 vào ngày 16/02/2011 là do Bùi Khắc H ghi ra.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Dương Văn Đ - nhân viên làm công doanh nghiệp salon ô tô T trên các giấy nộp tiền thuế tiêu thụ đặc biệt của 16 Việt kiều có liên quan đến Nguyễn T; Giấy khai đăng ký xe của Việt kiều Mai Đình T và chữ viết, chữ ký của Ngô Thị H15 trên giấy biên nhận tiền xe do C Ngô ký gửi cho Vũ Ngọc B. Kết quả chỉ xác định được chữ viết họ tên Lưu Tô H16, Trương Thị H4, Lưu Trần X, Mai Đình T trên giấy nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, chữ viết nội dung và họ tên Mai Đình T trên giấy khai đăng ký xe của T là của Đ viết và chữ viết, chữ ký của Ngô Thị H15 trên giấy biên nhận tiền xe do C Ngô ký gửi cho Vũ Ngọc B là do H15 viết và ký.

Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định trưng cầu giám định Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu Công ty cổ phần giám định và thẩm định E định giá xe ô tô, xe mô tô do 54 Việt kiều đứng tên nhập khẩu không đúng quy định. Ngày 25/09/2017, Công ty cổ phần giám định và thẩm định E có chứng thư số 17592/CT-E xác định giá 54 xe ô tô và 12 xe mô tô là 356.249.999.995 đồng và Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TPHCM đã họp thống nhất giá trên.

Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính giám định số tiền thuế nếu không được miễn đối với xe ô tô, xe mô tô do 54 Việt kiều đứng tên nhập khẩu không đúng quy định. Kết quả số tiền thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng nếu không được miễn của 54 xe ô tô và 12 xe mô tô (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng) phải nộp nếu không được miễn là 227.063.579.774 đồng, tổng số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp là 64.885.300.836 đồng và tổng số thuế chưa nộp nếu không được miễn là 162.178.278.938 đồng.

Xác minh tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh để xác định, thu thập hồ sơ xin cấp giấy phép nhập khẩu xe, hồ sơ kê khai nhập khẩu xe của 54 Việt kiều thể hiện nhập khẩu xe ô tô các loại Rolls Royce, Land Rover, Bentley, Lexus, Audi, BMW, Porsche, Toyota, Jaguar, Honda. Trong đó, xác định Nguyễn Quang V được ủy quyền đứng tên xin cấp phép và làm thủ tục nhập khẩu xe cho 17 Việt kiều; Trần Thái Ng được ủy quyền đứng tên xin cấp phép và làm thủ tục nhập khẩu xe cho 18 Việt kiều; Trần Phước Th được ủy quyền đứng tên xin cấp phép và làm thủ tục nhập khẩu xe cho 01 Việt kiều; Dương Quốc H17 đứng tên cho 01 Việt kiều; các Việt kiều khác trực tiếp xin cấp phép và làm thủ tục nhập khẩu xe.

Qua xác minh tại Công ty Vietravel xác định Nguyễn Giang L là người đặt vé đi du lịch cho các Việt kiều, được biết: Ngày 25/11/2010, Nguyễn Giang L trực tiếp ký và viết tên nộp tiền đặt cọc 10.000.000 đồng để đăng ký cho Việt

kiều Nguyễn Thị Kim L1 (do L trực tiếp thuê) cùng vợ và mẹ vợ L đi du lịch Singapore và ngày 02/12/2010, L trực tiếp ký và viết tên thanh toán hết số tiền còn lại cho Công ty Vietravel.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về tình trạng xuất nhập cảnh gồm ngày, giờ xuất nhập cảnh, mã chuyến bay, đường bay, mã dấu kiểm chứng xuất nhập cảnh của 54 Việt kiều (có bảng kê do Cục quản lý Xuất Nhập cảnh Bộ Công an cung cấp kèm theo) và xác định Việt kiều H Phạm xuất cảnh lần cuối vào ngày 11/05/2014; Nguyễn Văn S, xuất cảnh từ ngày 02/02/2014; C Ngô Hậu, xuất cảnh ngày 26/02/2014; Nguyễn Thị Bé Ph, xuất cảnh từ ngày 08/04/2013.

Xác minh tại Cảng vụ hàng không Miền Nam, được biết: Việt kiều Hồ Văn H, Lư Trần X, Phạm Ngọc Th3, Lâm Văn Q, Nguyễn Hồng A, Hồ Sỹ Tuy Đ, Nguyễn Trần Ch, Dương Văn Ph, Bùi Tiến D (do Nguyễn Giang L thuê) và các Việt kiều Phạm Trọng Tr1, Nguyễn Tấn Anh V2, Trần Đức H5 (do Th thuê) hoàn toàn không có xuất cảnh và nhập cảnh vào các ngày thể hiện như đóng dấu trên hộ chiếu và do Cục quản lý Xuất Nhập cảnh cung cấp. Đối với các Việt kiều khác, Cảng vụ hàng không Miền Nam trả lời “Cảng vụ hàng không Miền Nam có thể cung cấp danh sách hành khách của từng chuyến bay có số hiệu và thời gian cụ thể được biết trước trong khoảng thời gian lưu trữ tài liệu chuyến bay theo quy định 05 năm. Tuy nhiên, Cảng vụ hàng không Miền Nam không có thẩm quyền thực hiện và đề nghị xác minh tại Cục quản lý Xuất Nhập cảnh - Bộ Công an”.

Xác minh thông qua Văn phòng Interpol Việt Nam để xác định các Việt kiều có mua vé, có đi trên các chuyến bay như các cán bộ Cục quản lý Xuất Nhập cảnh - Bộ Công an đóng dấu, nhập dữ liệu chuyến bay hay không, được biết: Hồ Văn H, Lư Trần X (do Nguyễn Giang L thuê) hoàn toàn không nhập cảnh vào Mỹ năm 2012. Đối với các Việt kiều còn lại, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả.

- Xác minh việc mua vé máy bay, đi trên các chuyến bay tại Hãng hàng không Việt Nam (Vietnam Airline), Hãng hàng không United Airlines, Hãng hàng không Singapore Russian Airlines, Hãng hàng không Korean Air..., xác định: Các Việt kiều Hồ Văn H, Dương Văn Th, Dương Văn Ph, Bùi Tiến D, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Trần Ch, Phùng Thị Bích D1, Lê Duy C, Ninh Phúc D4, Phạm Anh T4 (Tiêu Nhật A), Lâm Văn Q...do Nguyễn Giang L trực tiếp thỏa thuận, giao dịch thuê và các Việt kiều Trần Đức H5, Phạm Trọng Tr1, Cao Duy H7, Nguyễn Tấn Anh Vũ do Th trực tiếp thỏa thuận, giao dịch thuê...không có mua vé, không có đi trên các chuyến bay như các cán bộ Cục An ninh của khẩu Bộ Công an đóng dấu, nhập dữ liệu. Đối với các hãng máy bay còn lại, Cơ quan điều tra đã gửi xác minh nhiều lần nhưng không trả lời, do các hãng máy bay có trụ sở văn phòng tại nước ngoài, phòng vé tại Việt Nam thường xuyên thay đổi địa chỉ và có rất ít chuyến bay đến và đi tại Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Xác minh tại Cty TNHH giao nhận A, được biết: Công ty A là đại lý của S, INC. Trong 54 trường hợp được thuê mướn đứng tên nhập khẩu không đúng quy định, Công ty A đã vận chuyển tổng cộng 22 chiếc xe từ Mỹ về Việt Nam, trong đó Việt kiều tên H Phạm thuê và thanh toán tiền vận chuyển cho 15 chiếc xe, người tên Sỡ thuê và thanh toán tiền vận chuyển 07 chiếc xe. Việc thanh toán tiền cước vận chuyển tại Mỹ nên Công ty A không biết bao nhiêu nhưng do H Phạm và Sỡ trực tiếp trả. Sau khi xe vận chuyển về đến Việt Nam, theo chỉ định của S, INC bằng điện thoại yêu cầu phát lệnh giao hàng cho người tên Trần Thái Ng và Ng ký nhận 20 lệnh giao hàng; Dương Quốc H17 nhận 02 lệnh giao hàng. Ngoài ra, đối với trường hợp Việt kiều Nguyễn Văn Đ khai mua, nhập khẩu từ Mỹ về để sử dụng cũng do H Phạm thuê và thanh toán tiền cước vận chuyển và trường hợp Việt kiều Nguyễn Thị Xuân Thy được V khai làm dịch vụ nhập khẩu cho Nguyễn T nhưng do Nguyễn Văn S thuê, thanh toán tiền cước vận chuyển và hai xe này cũng do Ng ký tên nhận lệnh giao hàng, do đã xuất cảnh nên chưa làm việc được với Thy.

Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra còn tiến hành xác minh tại Công ty TNHH giao nhận P, Công ty TNHH giao nhận P1, Công ty TNHH giao nhận A1, Công ty K, Công ty N, Công ty S1 Việt Nam, Công ty K1 và Công ty M để xác định việc thuê Container, thanh toán tiền thuê Container, thuê hãng tàu vận chuyển các xe ô tô, xe mô tô từ Mỹ về Việt Nam là do cá nhân, tổ chức nào. Tuy nhiên, các công ty giao nhận này chỉ xác định được người ký nhận lệnh giao hàng là Nguyễn Minh Q, Trần Thái Ng, Nguyễn Quang V và một số Việt kiều ký nhận nhưng không xác định được người thuê vận tải, người thuê và trả tiền thuê Container.

Xác minh tại Cục đăng kiểm Việt Nam để xác định người trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng xe ô tô nhập khẩu của 54 xe là do Nguyễn Quang V trực tiếp nộp hồ sơ và làm thủ tục đăng kiểm cho 23 xe ô tô, Trần Thái Ng đăng ký và làm thủ tục đăng kiểm cho 28 xe, Trần Phước Th đăng ký và làm thủ tục đăng kiểm cho 02 xe, Dương Quốc H17 đăng ký và làm thủ tục đăng kiểm cho 01 xe.

Xác minh tại Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt Bộ Công an và Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu thập 54 hồ sơ đăng ký xe ô tô do 54 Việt kiều nêu trên đứng tên nhập khẩu đã xác định chủ sở hữu, chủ xe hiện tại là các cá nhân và tổ chức.

Xác minh về người trực tiếp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho 54 xe tại Kho bạc Nhà nước Quận 2, Quận 1 và Quận 4, xác định: V nộp thuế cho 08 chiếc xe, Ng nộp thuế cho 05 xe, Bành Vĩ T nộp thuế cho 03 xe, Dương Quốc Th nộp 01 xe, Trịnh Thị Mai Th nộp 01 xe, còn lại những xe khác thể hiện các Việt kiều là người trực tiếp nộp thuế.

Xác minh tại Phòng Công chứng số 2, Văn phòng Công chứng Gia Định, Văn phòng Công chứng Tân Tạo đã thu thập các hợp đồng ủy quyền đứng tên xin cấp giấy phép, làm thủ tục nhập khẩu và mua bán xe ô tô, cụ thể trong 54 xe

ô tô nêu trên V được ủy quyền đứng tên làm thủ tục nhập khẩu cho 23 Việt kiều; đứng tên ủy quyền bán 04 xe cho S, bán 02 xe cho H và 01 xe cho C Ngô, đồng thời nhận tiền bán 01 xe cho S; Ng được ủy quyền đứng tên làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô cho 27 Việt kiều; Trần Phước Th đứng tên ủy quyền làm thủ tục nhập xe cho 02 Việt kiều; Dương Quốc H17 được ủy quyền đứng tên làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô cho 01 Việt kiều.

Xác minh tại Công an phường T, Quận 1 truy tìm thông tin cá nhân của người tên Thương (là người đến nhận tiền bán xe do Nguyễn Văn S bán cho Nguyễn T), được biết: số 3, Lý Văn Ph, phường T, Quận 1 là nhà của bà Nguyễn Thị M, bà M cho Báo Đất Việt thuê từ ngày 06/3/2013 đến nay, không có ai tên Thương cư trú, tạm trú hay làm việc tại địa chỉ này.

Xác minh tại tòa nhà S và Công an Phường 22, quận B để truy tìm thông tin cá nhân đối tượng H Phạm, xác định: H Phạm có cư trú tại căn hộ 304, tòa R, S trong thời gian từ tháng 10/2012 đến tháng 5/2013 nay không còn cư trú.

Xác minh tại Công an Phường 15, Quận 10: Hoàng Minh Tr, Trịnh Tô H đã chết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang V, Trần Phước Th, Trần Thái Ng đã thừa nhận toàn bộ hành vi sai phạm của mình là cùng nhau thỏa thuận mua tiêu chuẩn nhập khẩu xe ô tô, mô tô theo diện Việt kiều hồi hương của 54 Việt kiều bán cho các chủ salon ô tô và các Việt kiều định cư tại nước Mỹ. Đồng thời, nhờ các cán bộ Cục An ninh Cửa khẩu Bộ Công an đóng dấu xuất, nhập cảnh không vào hộ chiếu của các Việt kiều để hợp thức hóa hồ sơ nhập khẩu xe ô tô, mô tô và thực hiện trốn lậu hành vi buôn lậu 54 xe ô tô và 12 xe mô tô có tổng trị giá là 356.249.999.995 đồng, tổng số tiền thuế (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng) phải nộp nếu không được miễn là 227.063.579.774 đồng, tổng số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp là 64.885.300.836 đồng và tổng số thuế chưa nộp nếu không được miễn là 162.178.278.938 đồng. Đến nay, gia đình Trần Thái Ng đã nộp 850.000.000 đồng, gia đình Trần Phước Th đã nộp 556.000.000 đồng và gia đình Nguyễn Quang V đã nộp 556.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Bùi Khắc H khai nhận: Năm 2009, Hà đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh-Công an TPHCM làm thủ tục gia hạn visa cho ông M Nguyễn, quốc tịch Mỹ là cậu bên vợ của H. Thông qua Ngô Hồng H18 (cán bộ Phòng PA72 đã nghỉ hưu), H đã nhờ L giúp gia hạn visa cho ông Michael Minh Nguyễn nên H rất biết ơn L đã giúp. Sau một thời gian L có giao cho H một số hộ chiếu do Mỹ cấp hoặc hộ chiếu do Việt Nam cấp cho các Việt kiều Mỹ (không nhớ số lượng, họ tên cụ thể) để nhờ H thực hiện đóng dấu kiểm chứng xuất nhập cảnh không cho các Việt kiều với lý do L đưa ra là các Việt kiều này già yếu hay người nhà của L hoặc có hoàn cảnh gia đình đặc biệt để làm một số thủ tục cá nhân bên Mỹ như làm thủ tục an sinh xã hội, thuế, bảo hiểm... Thực tế, H hoàn toàn không quen biết, không gặp mặt những Việt kiều do L giao hộ chiếu bản chính để nhờ H đóng dấu kiểm chứng không trên hộ chiếu. Đồng thời, các Việt kiều không có đến bưu kiểm soát vào các ca trực của H, H không có

kiểm tra, đối chiếu thẻ lên, xuống tàu bay, H chỉ căn cứ vào thông tin cá nhân trên hộ chiếu bản chính do L giao để nhập thông tin ngày, giờ, mã chuyến bay xuất, nhập cảnh không vào hệ thống máy tính của Cục A98 - Bộ Công an và đóng dấu kiểm chứng không vào hộ chiếu của các Việt kiều. H thừa nhận việc đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh không cho các Việt kiều theo đề nghị của Nguyễn Giang L là hoàn toàn sai quy trình, sai pháp luật. Mặc dù, H không nhận thức được hậu quả nghiêm trọng từ việc làm này, vì quá tin tưởng L, H cũng không biết mục đích L nhờ đóng dấu kiểm chứng xuất nhập cảnh không là để hợp thức hóa hồ sơ nhập khẩu xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương và hoàn toàn không nhận bất kỳ lợi ích vật chất nào từ L và H nhận thấy hành vi của mình chỉ thiếu trách nhiệm do làm sai qui trình công tác. Nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định việc H đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh không cho 16 Việt kiều theo đề nghị của L giúp cho L cùng đồng phạm thực hiện trốn lậu hành vi buôn lậu 16 xe ô tô và 05 xe mô tô, gây thất thu số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước là 55.816.411.470 đồng là số tiền thuế chưa nộp nếu không được miễn.

Riêng Nguyễn Giang L không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng không vi phạm pháp luật (Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất có ghi âm, ghi hình giữa L và H). Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả giám định chữ viết trên giấy thỏa thuận chuyển nhượng tiêu chuẩn của Việt kiều Dương Văn Th; chữ viết ngày, tháng, năm được phép tạm trú ghi tại dấu kiểm chứng nhập cảnh không do Bùi Khắc H đóng trên hộ chiếu của Dương Văn Th (do L tự ghi không thời gian được tạm trú cho Th); chữ viết, chữ ký trên biên nhận tiền đặt cọc, thanh toán tiền vé máy bay, tiền tour du lịch cho Việt kiều Nguyễn Thị Kim L1; chữ viết số thẻ an sinh xã hội trên bản photocopy bằng lái, hộ chiếu của Việt kiều Nguyễn Văn Đ1; theo như lời khai của các Việt kiều cùng Nguyễn Quang V và Bùi Khắc H. Kết quả điều tra, xác định có đủ cơ sở kết luận L trực tiếp thỏa thuận thuê 36 Việt kiều đứng tên nhập khẩu 36 xe ô tô và 09 xe mô tô, L là người thực hiện việc đóng dấu kiểm chứng xuất, nhập cảnh không hoặc mua vé máy bay, tour du lịch cho Việt kiều đi để hợp thức hóa hồ sơ nhập lậu 36 xe ô tô và 09 xe mô tô cho cá nhân và đồng bọn có tổng trị giá là 232.987.666.664 đ, tổng số tiền thuế (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng) phải nộp nếu không được miễn là 148.178.551.860 đồng, tổng số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp là 42.112.608.253 đồng và tổng số thuế chưa nộp nếu không được miễn là 106.065.943.613 đồng.

Nguyễn Giang L trực tiếp thỏa thuận thuê và giới thiệu cho Nguyễn Quang V 36 Việt kiều, gồm: Việt kiều Nguyễn Hồng A, Hồ Sỹ Tuy Đ, Đoàn Phước A1, Dương Văn Th, Mai Đình T, Lư Trần X, Lưu Tô H16, Hồ Văn H, Nguyễn Trần Ch, Bùi Tiến D, Trần T1, Vũ Ngọc Ch1, Dương Văn Ph, Lâm Văn Q, Hồ Minh T2, Nguyễn Thị Kim L1, Phạm Đức T3, Phan Ngọc Ch2, Nguyễn Văn Đ1, Phạm Thị Bích V, Huỳnh Thanh U, Đặng Ngọc Th2, Hồ Thị Thu Tr, Nguyễn Thanh T4, Lê Duy C, Trần H1, Phạm Anh T4, Phạm Văn H2, Ninh Phúc L3, Phùng Thị Bích D1, Võ Chí D2, Trương Ch3, Lê Thành T5, Hứa Kim

H3, Trà Hoa Ph, Đỗ Đức T6. Mỗi Việt kiều, V đã trả cho L 10.000 USD/Việt kiều, tổng cộng V đã trả L 360.000 USD.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra có 44 Việt kiều khai nhận như sau:

- 32 Việt kiều thừa nhận được L thuê hoặc chỉ đứng tên nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô giùm L. Trong đó, Việt kiều Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thanh T4, Võ Chí D2, Phạm Văn H2 và Huỳnh Thanh U chỉ đứng tên nhập xe ô tô giúp Nguyễn Giang L mà không nhận khoản tiền nào. Còn lại 27 trường hợp sau khi nhập khẩu xe ô tô, mô tô được L cho số tiền từ 1.000 USD đến 5.000 USD và có 21 Việt kiều làm đơn tự nguyện nộp lại số tiền do L trả để khắc phục hậu quả và đã nộp tổng số tiền 875.940.000 đồng và 4.300 USD.

Trong đó, Việt kiều Trương Ch3 có cung cấp giấy thỏa thuận việc chuyển nhượng tiêu chuẩn mua xe ô tô và xe mô tô theo diện chính sách hồi hương và L là người viết thông tin cá nhân của Trương Ch3 vào bên A giấy thỏa thuận là bên chuyển nhượng, bên B tên Nguyễn Quang V là bên được chuyển nhượng tiêu chuẩn mua xe ô tô và xe mô tô theo diện chính sách hồi hương của cá nhân Trương Ch3, đồng thời viết số tiền chuyển nhượng là 2.000 USD.

Đối với Việt kiều Nguyễn Thị Kim L1 và Phạm Thị Bích V, đều khai chỉ đứng tên nhập khẩu xe ô tô theo đề nghị của L. Trong thời gian làm thủ tục hồi hương, nhập khẩu xe ô tô, L1 và V được L mua vé máy bay và đề nghị đi du lịch nước ngoài. Trong chuyến đi của Liên, có vợ, mẹ vợ và dì vợ L cùng đi Singapore.

Đối với Việt kiều Lư Trần X có cung cấp giấy xác nhận do Công ty TNHH tổ chức giáo dục Hoa Kỳ và Công ty TNHH CBRE (Việt Nam) xác nhận từ ngày, giờ xuất cảnh đến ngày giờ nhập cảnh Xương đang làm việc tại các đơn vị đang công tác, không xin nghỉ phép.

- 13 Việt kiều thừa nhận được Th thuê hoặc chỉ đứng tên nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô giùm Th. Trong đó, Việt kiều Trần Đức H5, Vũ Việt Th4, Võ Văn H10 chỉ đứng tên nhập xe ô tô giùm Trần Phước Th mà không nhận bất cứ khoản tiền nào. Còn lại 10 trường hợp sau khi nhập khẩu xe ô tô, mô tô được Th cho số tiền từ 1.000 USD đến 9.000 USD. Có 05 Việt kiều làm đơn tự nguyện nộp lại số tiền do Th trả để khắc phục hậu quả và đã nộp tổng số tiền 379.265.000 đồng.

Trong đó, Việt kiều Đỗ Thị H8 có cung cấp giấy thỏa thuận việc chuyển nhượng tiêu chuẩn mua xe ô tô và xe mô tô theo diện chính sách hồi hương do Trần Phước Th soạn thảo, trực tiếp ký kết với số tiền chuyển nhượng là 7.000 USD và Việt kiều Trần Đức H5 có cung cấp giấy xác nhận do Cty TNHH Y, Việt Nam xác nhận từ ngày, giờ xuất cảnh đến ngày giờ nhập cảnh Hùng đang làm việc liên tục tại Bệnh Viện Y, không xin nghỉ phép.

- Riêng Việt kiều Lưu Tô H16 tại cơ quan điều tra thừa nhận đứng tên nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô giúp cho do Trịnh Tô H thuê (H đã chết) và được H trả cho số tiền 60.000.000 đồng.

Nhóm đối tượng là chủ Salon ô tô: Ngoài lời khai của Nguyễn Quang V về Nguyễn T chủ doanh nghiệp Salon ô tô T; lời khai của Nguyễn Quang V và Trần Phước Th về Trần Quốc H19; lời khai của Trần Phước Th về Nguyễn Hoàng Tr; lời khai của Nguyễn Quang V và Trần Phước Th về H Phạm đã mua thông tin của các Việt kiều để tham gia mua bán xe nhập lậu vào Việt Nam thì không có tài liệu, chứng cứ, người thứ ba chứng kiến, hợp đồng, biên nhận nào thể hiện Nguyễn T, Trần Quốc H19, Nguyễn Hoàng Tr, H Phạm liên quan tham gia mua bán xe bất hợp pháp trong vụ án.

Đối với một số cán bộ Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an và Phòng quản lý Xuất Nhập cảnh Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời khai của các đối tượng có liên quan, thông tin xuất nhập cảnh gồm ngày, giờ xuất nhập cảnh, mã chuyến bay, đường bay của các Việt kiều. Cơ quan cảnh sát điều tra nhận thấy cán bộ chiến sỹ Công an thuộc Đồn cửa khẩu Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh, Bộ Công an và Cán bộ phòng quản lý Xuất Nhập cảnh Công an Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Nguyễn Thế H12, Đào Tấn Ph, Trần Trọng Th, Ngô Quang Ng, Lê Thị D, Lê Xuân H, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Th, Trần Danh T, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hải A, Dương Đình H, Nguyễn Văn Q, Huỳnh Dương Tr, Võ Thanh T, Nguyễn Huy Th, Đỗ Hữu D chỉ được các đồng chí, đồng đội trong đơn vị nhờ kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh một hoặc hai lần, có vi phạm độc lập với Bùi Khắc H. Khi kiểm chứng xuất nhập cảnh vì tin tưởng đồng chí đồng đội nên không chú ý, không đối chiếu nhận diện khuôn mặt với ảnh, không kiểm soát người trong thời gian ca trực (do qui trình và thông lệ tại tất cả các cửa khẩu cho phép không trực tiếp kiểm tra người xuất nhập cảnh qua các nhà khách A, khách VIP) hoặc khi đã kiểm soát hết hành khách của chuyến bay này và chờ hành khách chuyến tiếp theo hoặc các cán bộ chiến sỹ để dấu tại bục kiểm soát để đi vệ sinh, bị lấy dấu để đóng và nhập dữ liệu mà các cán bộ chiến sỹ này hoàn toàn không biết hoặc khi được nhờ đóng dấu được nói là nhằm mục đích gia hạn visa.

Còn lại 34 trường hợp Việt kiều sau khi nhập khẩu xe ô tô được Nguyễn Giang L, Trần Phước Th và Trịnh Tô H trả công từ 1.000 USD đến 9.000 USD. Hiện có 22 Việt kiều làm đơn tự nguyện nộp lại số tiền do L, Th, H trả để khắc phục hậu quả và đã nộp tổng số tiền 915.120.000 đồng và 4.300 USD tại Cơ quan điều tra.

Ngày 02/12/2014, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh kê biên tài sản đối với 38 xe ô tô do các Việt kiều được thuê đứng tên nhập khẩu như nêu trên. Đến nay, Cơ quan điều tra đã kê biên hoặc thông báo việc kê biên cho 13 xe; 05 chiếc khác chưa thi hành lệnh kê biên được vì không xác định được nơi cư trú của chủ xe (02 xe do Huỳnh Văn H, Cao Nguyên H) và 03 chiếc do Việt kiều Mai Đình T, Lâm Văn Q, Đỗ Đức T6 đứng tên chủ xe. Đối với các xe khác, Cơ quan điều tra đã ủy thác Cơ quan điều tra các tỉnh, thành phố thi hành lệnh kê biên nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả thực hiện.

Nhóm đối tượng là chủ Salon ô tô liên quan vụ án như Nguyễn T -Chủ doanh nghiệp Nguyễn T, Nguyễn Hoàng Tr - Chủ salon ô tô H, Trần Quốc H19 - Giám đốc công ty ô tô V, Vũ Ngọc B - Chủ salon ô tô T1, Lê Quý H - Giám đốc công ty T2, Hoàng Minh Tr - Giám đốc công ty H2, Phạm Ngọc Ch - Giám đốc công ty H3, Nguyễn Phước Q - Giám đốc công ty Q, Dương Quốc Th, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Văn S, Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập chứng cứ để xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 299/2018/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Quang V, Trần Phước Th, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L phạm tội: “Buôn lậu”.

Tuyên bố bị cáo Bùi Khắc H phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V: 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 25/01/2014 đến ngày 21/12/2016

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Phước Th: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2014.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thái Ng: 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 25/01/2014 đến ngày 21/12/2016

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Giang L: 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2014.

5. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Khắc H: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2017.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Quang V nộp số tiền 45.776.597.678 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Trần Thái Ng nộp lại số tiền 45.698.597.678 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Trần Phước Th nộp lại số tiền 45.776.597.678 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Nguyễn Giang L nộp lại số tiền 33.562.067.903 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc tịch thu sung quỹ nhà nước của những người liên quan, xử lý tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/9/2018, bị cáo Nguyễn Quang V và Trần Thái Ng có đơn kháng cáo đề nghị không buộc các bị cáo nộp lại tiền thất thu thuế của nhà nước.

Ngày 12/9/2018, bị cáo Nguyễn Giang L có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 13/9/2018, bị cáo Trần Phước Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị không buộc bị cáo nộp lại tiền thất thu thuế của nhà nước. Tuy nhiên, ngày 07/11/2018, bị cáo Trần Phước Th đã có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Phước Th yêu cầu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, sau khi bị cáo làm đơn xin rút kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Thông báo về việc rút kháng cáo. Đến nay, bị cáo tiếp tục kháng cáo thì thời hạn kháng cáo đã hết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, khi xét xử thì Hội đồng xét xử sẽ xem xét toàn bộ nội dung vụ án.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Nguyễn Quang V và Trần Thái Ng phạm tội “Buôn lậu” là có căn cứ; buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thất thu thuế là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V và Ng.

Đối với bị cáo Nguyễn Giang L, bị cáo là người trực tiếp thỏa thuận với các Việt kiều để mua tiêu chuẩn nhập xe, trực tiếp thực hiện đóng dấu, kiểm chứng, mua vé đi du lịch cho các Việt kiều, sau đó nhập xe vào Việt Nam để tiêu thụ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Buôn lậu” và xử phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, không oan sai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Giang L trình bày: Bị cáo không đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm. Bị cáo chỉ mua tiêu chuẩn nhập xe chứ không có hành vi buôn lậu. Bị cáo bị oan. Trong số 36 Việt kiều cấp sơ thẩm quy kết bị cáo mua tiêu chuẩn nhập xe của họ, có những người bị cáo không biết, không tiếp xúc. Lời khai của Nguyễn Quang V không đúng sự thật, V khai đưa tiền cho bị cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Những chiếc xe nhập về là tang vật của vụ án thì phải tịch thu sung công quỹ nhưng cơ quan điều tra lại giao cho người mua sử dụng nên đây không phải là vụ án buôn lậu. Bị cáo H khai giúp bị cáo đóng dấu không là không có căn cứ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang V và Trần Thái Ng trình bày: Các bị cáo đồng ý về tội danh mà cấp sơ thẩm đã quy kết nên chấp nhận về phần hình phạt và buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính; tuy nhiên việc buộc các bị cáo nộp lại tiền thuế thất thu là không đúng. Các bị cáo chỉ là người giúp sức, chủ mưu là các chủ salon nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ. Chưa đủ cơ sở để buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thuế thất thu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo V và Ng; không buộc các bị cáo nộp lại tiền thuế thất thu hoặc miễn tiền thuế cho các bị cáo. Số tiền bị cáo Ng nộp khắc phục hậu quả còn dư thì đề nghị hoàn trả lại cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 07/11/2018, bị cáo Trần Phước Th đã có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Thông báo về việc rút kháng cáo đối với bị cáo Trần Phước Th. Phần quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo Trần Phước Th có hiệu lực thi hành.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Giang L gồm Luật sư Nguyễn Tiến Ph và Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Bị cáo L từ chối người bào chữa do Tòa án chỉ định và có yêu cầu xét xử vắng mặt Luật sư Nguyễn Tiến Ph và Nguyễn Văn Q để bị cáo tự bào chữa. Căn cứ khoản 3 Điều 77 và khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Giang L.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2012, lợi dụng chính sách người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi hồi hương được phép nhập một xe ô tô cá nhân đang sử dụng, các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Phước Th, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L đã móc nối với các Việt kiều hồi hương làm thủ tục để cho các Việt kiều này đứng tên chủ sở hữu xe ô tô, mô tô tại nước ngoài, nhập khẩu về Việt Nam dưới hình thức để sử dụng, không phải đóng thuế nhập khẩu, sau đó

bán ra thị trường để thu lợi. Thực tế các Việt kiều được móc nối không mua xe tại nước ngoài, chỉ đứng tên giùm giấy tờ đăng ký; đồng thời cũng không có hoạt động xuất, nhập cảnh, các bị cáo đã đóng dấu không trên các hộ chiếu để hợp thức hóa hồ sơ. Trong đó, bị cáo Nguyễn Giang L và Trần Phước Th thỏa thuận thuê và giới thiệu các Việt kiều để Nguyễn Quang V và Trần Thái Ng thực hiện các thủ tục nhập khẩu xe về Việt Nam. Tổng cộng các bị cáo đã nhập về Việt Nam 54 chiếc xe ô tô, 12 chiếc xe mô tô với hình thức nêu trên, tổng giá trị 356.249.999.995 đồng, thất thu số tiền thuế phải nộp là 162.178.278.938 đồng.

Thực hiện hành vi nêu trên, bị cáo Nguyễn Quang V và Trần Phước Th hưởng lợi mỗi người 556.000.000 đồng, Trần Thái Ng hưởng lợi 478.000.000 đồng và Nguyễn Giang L hưởng lợi 360.000USD.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 xét xử các bị cáo Nguyễn Quang V, Nguyễn Giang L, Trần Thái Ng, Trần Phước Th phạm tội “Buôn lậu” theo khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Giang L:

Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ mua tiêu chuẩn nhập xe, do đó, bị cáo không phạm tội “Buôn lậu”. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo Nguyễn Quang V, Bùi Khắc H và các Việt kiều do L móc nối thì có cơ sở kết luận bị cáo là người trực tiếp thuê, thỏa thuận với 36 Việt kiều để thực hiện thủ tục nhập 36 xe ô tô và 09 xe mô tô về Việt Nam. Tại Kết luận giám định số 1275/KLGD-TT ngày 07/11/2017 và Kết luận giám định số 296/KLGD-TT ngày 02/2/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị cáo L là người viết khống vào sổ hộ chiếu của ông Dương Văn Th, viết giấy chuyển nhượng tiêu chuẩn mua xe giữa ông Trương Ch3 và bị cáo Nguyễn Quang V, biên nhận tiền mua vé máy bay, tour du lịch cho bà Nguyễn Thị Kim L1... Tại phiên tòa sơ thẩm và tại đơn kháng cáo bị cáo thừa nhận có giao dịch với các Việt kiều nhưng chỉ là mua tiêu chuẩn nhập xe chứ không có hành vi buôn lậu. Tuy nhiên, việc bị cáo mua lại tiêu chuẩn nhập xe của các Việt kiều là không đúng quy định pháp luật, để phục vụ cho việc nhập khẩu xe vào Việt Nam mà không phải chịu thuế nhập khẩu; sau đó các xe này không do các Việt kiều hồi hương sử dụng mà lại bán ra ngoài thị trường để thu lợi. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Buôn lậu” được quy định tại Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015. Kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Thái Ng và Nguyễn Giang L về việc buộc nộp lại số tiền thất thu thuế:

Hành vi của các bị cáo đã gây thất thu thuế cho nhà nước, cụ thể Nguyễn Giang L, Nguyễn Quang V, Trần Phước Th, Trần Thái Ng cùng nhau buôn lậu 36 ô tô và một số xe mô tô gây thất thu 106.065.943.613 đồng tiền thuế; Nguyễn Quang V, Trần Phước Th, Trần Thái Ng cùng nhau buôn lậu 18 xe ô tô và một số

xe mô tô gây thất thu 56.112.335.325 đồng tiền thuế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Phước Th, Trần Thái Ng mỗi người phải nộp lại 45.220.597.678 đồng và Nguyễn Giang L phải nộp lại 26.516.485.903 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước, khắc phục số tiền thuế bị thất thu là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 299/2018/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L phạm tội “Buôn lậu”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V: 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 25/01/2014 đến ngày 21/12/2016.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thái Ng 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 25/01/2014 đến ngày 21/12/2016.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Giang L 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2014.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang V nộp số tiền 45.776.597.678 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Trần Thái Ng nộp lại số tiền 45.698.597.678 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Nguyễn Giang L nộp lại số tiền 33.562.067.903 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Quang V, Trần Thái Ng, Nguyễn Giang L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh (3);
- BCTN (2);
- Lưu VP (3), HS (2). (15b).HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy